TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 3 -2023
"*Về ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Thường
Bà Bùi Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 298/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị N, sinh năm 1991; có đơn xin xử vắng mặt.
Nơi ĐKHKTT: Khối 4, phường TT, thị xã CL, tỉnh Nghệ An;
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1986;
Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khối 4, phường TT, thị xã CL, tỉnh Nghệ An;
Hiện đang ở Hàn Quốc (không rõ địa chỉ), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình T chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND phường TT, thị xã CL, tỉnh Nghệ An ngày 06/10/2014. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với bố mẹ chồng ở thị xã CL, tỉnh Nghệ An. Năm 2014 anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, chị N về sinh sống tại nhà mẹ đẻ. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, hỏi thăm. Từ cuối năm 2020 thì vợ chồng ít liên lạc với nhau, dẫn đến vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đến nay đã không còn liên lạc. Nay nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn nên chị Hà Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Chị Hà Thị N và anh Nguyễn Đình T có 01 con chung là Nguyễn Hà V, sinh ngày 10/6/2015 hiện nay chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N và anh T không ai có con riêng, con nuôi. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đình T: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là anh T vắng mặt. Chị N không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh T cư trú, chỉ biết anh T đi sang Hàn Quốc từ năm 2014 đến nay. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và giấy báo tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, đồng thời gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo cho anh T thông qua bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Đình Pháp và bà Nguyễn Thị Lý, Tòa án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai, gửi văn bản yêu cầu ông Pháp và bà Lý cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn. Tuy nhiên, ông Pháp và bà Lý cho biết anh T ở nước ngoài, thỉnh thoảng liên lạc về với ông bà, nhưng không cho chị biết địa chỉ cụ thể của anh mà chỉ biết hiện nay anh T đang sinh sống tại Hàn Quốc. Anh T đã biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị N với anh do ông Pháp và bà Lý thông báo. Ông Pháp và bà Lý cho biết anh T đồng ý ly hôn với chị N. Khi chị N và anh T ly hôn thì anh T đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Hà V cho chị N.

Cháu Nguyễn Hà V có ý kiến: Cháu là con đẻ của mẹ Hà Thị N và bố Nguyễn Đình T. Khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở mẹ Hà Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã ban hành các quyết định và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đình T đã được bố mẹ đẻ của mình cung cấp các thông tin về việc chị Hà Thị N xin ly hôn, nhưng vẫn cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành các nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Vì vậy việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy chị Hà Thị N và anh Nguyễn Đình T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TT, thị xã CL, tỉnh Nghệ An vào năm 2014, không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân là hợp pháp. Năm 2014, anh T đi xuất khẩu lao động nước ngoài. Chị N và anh T cắt đứt mọi quan hệ và không liên lạc với nhau từ khi anh T đi sang Hàn

Quốc một thời gian. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Hà Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đình T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 10/6/2015 khi ly hôn anh T đang ở nước ngoài, chị N có nguyện vọng được nuôi con phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa nguyên đơn chị Hà Thị N và bị đơn anh Nguyễn Đình T; chị N và anh T có hộ khẩu thường trú tại Khối 4, phường TT, thị xã CL, tỉnh Nghệ An; Theo thông tin của cục xuất nhập cảnh cho biết anh Nguyễn Đình T đã xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế sân bay Nội Bài lần cuối là ngày 08/10/2014 đến nay chưa nhập cảnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đình T vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh lấy lời khai của ông Nguyễn Đình Pháp và bà Nguyễn Thị Lý là bố mẹ đẻ của anh T và yêu cầu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết việc ly hôn giữa chị N và anh T. Tuy nhiên, ông Pháp và bà Lý không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh T do anh T không cho ông bà biết; ông bà cho biết anh T đồng ý ly hôn với chị N và đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Hà V cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng anh T trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Hà Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo khoản 1 Điều 228, vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị N , Hội đồng xét xử xét thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2014 tại Ủy ban nhân dân phường TT, thị xã CL. Năm 2014, anh T đi sang Hàn Quốc, thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, hỏi thăm. Từ cuối năm 2020 thì vợ chồng ít liên lạc với nhau, đến nay đã không còn liên lạc. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng

không quan tâm đến nhau cả vật chất và tinh thần. Nay, chị N không còn tình cảm vợ chồng với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N cho chị Hà Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đình T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Chị N và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 10/6/2015, không ai có con nuôi, con riêng. Hiện nay cháu V đang do chị N nuôi dưỡng và chị cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu. Xét anh T đang sống ở nước ngoài, chị N không bị cấm nuôi con, là mẹ đẻ cháu V có nguyện vọng được nuôi con là hoàn toàn chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật, do đó chấp nhận yêu cầu của chị N. Anh T không phải đóng góp nuôi con do chị N không yêu cầu.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N và anh T có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Hà Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 10/6/2015 cho chị Hà Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Đình T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Anh Nguyễn Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu ai vi phạm thì người kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Hà Thị N và anh Nguyễn Đình T có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012265 ngày 07/11/2022.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Anh Sơn